

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2020

V/v: “Ly hôn, t/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thanh Cường**.

2. Bà **Tô Thị Lành**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Lệ Quyên** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 817/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê H; sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn A; sinh 1971

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê H trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn A tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 12-12-1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến đầu năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, anh A thường hay đi nhậu về đánh đập vợ con làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Trước đây tôi đã nộp đơn lên Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng vì con tôi đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung nhưng anh A vẫn không thay đổi. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn A.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn A có 02 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 13-02-2000 và Nguyễn N, sinh ngày 19-10-2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và anh A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 28/2/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn A trình bày:

- Về hôn nhân: Việc kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng tôi nhận thấy mình có lỗi đôi lúc có uống rượu về gây gổ với vợ con nhưng tôi nghĩ chưa đến mức trầm trọng. Tôi sẽ cố gắng thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung nên tôi mong Tòa án hòa giải để chúng tôi về đoàn tụ với nhau. Còn nếu chị H nộp đơn một lần nữa thì tôi sẽ đồng ý ly hôn vì chị H đã nộp đơn hai lần trên Tòa án.

- Về con chung: Tôi và chị Lê H có 02 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 13-02-2000 và Nguyễn N, sinh ngày 19-10-2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn con tôi có nguyện vọng ở với ai thì tôi tôn trọng quyết định của con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lê H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn A có địa chỉ tại Thôn Đ xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê H và anh Nguyễn A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/12/1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Lê H trình bày thì giữa chị và anh A trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, anh A thường xuyên uống rượu về quậy phá trong gia đình, làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Chị H cũng đã nộp đơn nhiều lần lên Tòa án để yêu cầu ly hôn nhưng vì các con chị đã rút đơn về để vợ chồng cùng nhau hàn gắn, chăm sóc các con nhưng đến nay anh A vẫn không thay đổi. Do vậy, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh A.

Anh Nguyễn A cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa anh và chị H có mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh A có uống rượu về nhà gây gỗ với vợ con, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, vì vậy anh muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn A.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị H và anh A là có thật, đã diễn ra trong thời gian dài, mặc dù anh A không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại anh A vẫn không thuyết phục được chị H để vợ chồng về đoàn tụ, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Lý do theo chị trình bày là vì hiện giờ chị H đã không còn tình cảm với anh A, chị cũng đã cho anh A nhiều cơ hội nhưng đến hiện tại anh A vẫn không có gì thay đổi. Xét thấy, để xây dựng được một gia đình hạnh phúc cần thiết phải có sự tình nguyện, đồng lòng và sự hòa hợp, vun đắp, thông cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau của cả vợ lẫn chồng, tuy nhiên hôn nhân giữa chị H và anh A đến thời điểm hiện tại đã không còn tồn tại các yếu tố nêu trên nữa. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh A không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị H. Do vậy, yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh A là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Lê H và anh Nguyễn A có hai con chung là Nguyễn H, sinh ngày 13-02-2000 và Nguyễn N, sinh ngày 19-10-2003. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn N và anh A cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Nguyện vọng của chị H cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H về nuôi con chung, giao con chung là Nguyễn N, sinh ngày 19-10-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê H. Chị Lê H được ly hôn với anh Nguyễn A.

- Về con chung: Giao cho chị Lê H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Nguyễn N, sinh ngày 19-10-2003 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002149 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND xã B, thành phố P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà

